

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~1367~~ /UBND-KT

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2021

V/v công khai tình hình phê duyệt
quyết toán dự án đầu tư xây dựng
hoàn thành năm 2020

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các Chủ đầu tư trực thuộc Thành phố.

Thực hiện Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn Nhà nước, Ủy ban nhân dân Thành phố công khai số liệu phê duyệt quyết toán dự án đầu tư xây dựng hoàn thành năm 2020 của các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã như sau:

1. Số liệu phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

Tổng số dự án đầu tư xây dựng hoàn thành đã phê duyệt quyết toán trong năm 2020 là 2.159 dự án, với tổng số vốn đầu tư được quyết toán là 16.528 tỷ đồng (*Chi tiết tại Phụ lục 1: Biểu tổng hợp thực hiện quyết toán dự án hoàn thành năm 2020*), trong đó:

- Vốn ngân sách cấp Thành phố quản lý là 84 dự án, với tổng số vốn đầu tư được quyết toán là 3.422 tỷ đồng (*Chi tiết tại Phụ lục 2: Biểu tổng hợp thực hiện quyết toán dự án hoàn thành năm 2020 - Ngân sách cấp Thành phố*).

- Vốn ngân sách quận, huyện, thị xã quản lý là 2.075 dự án, với tổng số vốn đầu tư được quyết toán là 13.106 tỷ đồng (*Chi tiết tại Phụ lục 3: Biểu tổng hợp thực hiện quyết toán dự án hoàn thành năm 2020 - Ngân sách quận huyện, thị xã*).

Qua thẩm tra, phê duyệt quyết toán đã giảm trừ so với giá trị đề nghị quyết toán của chủ đầu tư là 166 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 1% tổng giá trị đề nghị quyết toán của chủ đầu tư.

2. Số liệu các dự án chậm lập hồ sơ quyết toán

Tổng số dự án đầu tư xây dựng hoàn thành chậm lập hồ sơ quyết toán tại thời điểm 31/12/2020 là 165 dự án, trong đó: ✓



Handwritten mark or signature.

- Vốn ngân sách cấp Thành phố quản lý là 40 dự án, bao gồm 25 dự án chậm dưới 24 tháng và 15 dự án chậm trên 24 tháng (*Chi tiết tại Phụ lục 4: Biểu tổng hợp các dự án cấp Thành phố chậm lập hồ sơ quyết toán tính đến 31/12/2020*).

- Vốn ngân sách quận, huyện, thị xã quản lý là 125 dự án, bao gồm 106 dự án chậm dưới 24 tháng và 19 dự án chậm trên 24 tháng (*Chi tiết tại Phụ lục 5: Biểu tổng hợp các dự án cấp huyện chậm nộp hồ sơ quyết toán tính đến 31/12/2020*).

2. Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã:

- Thực hiện nghiêm chỉ đạo của UBND Thành phố tại Văn bản số 1038/UBND-KT ngày 09/4/2021 về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác quyết toán dự án hoàn thành.

- Công khai số liệu phê duyệt quyết toán năm 2020 của các dự án đầu tư xây dựng hoàn thành được Ủy ban nhân dân Thành phố giao và phân cấp quản lý theo quy định tại Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính.

- Thực hiện nghiêm túc việc lập, thẩm định, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành và xử lý vi phạm theo quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn Nhà nước.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp để đẩy nhanh công tác quyết toán dự án đầu tư xây dựng hoàn thành.

- Giao Sở Tài chính trực tiếp kiểm tra, đôn đốc các Chủ đầu tư, Sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã có các dự án chậm quyết toán, làm rõ trách nhiệm và hướng giải quyết báo cáo UBND Thành phố trong quý II/2021. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Chủ tịch UBND TP (để b/c);
- Các đ/c PCT UBND TP;
- Sở Tài chính;
- VPUB: CVP, các PCVP, KT, ĐT, KGVX;
- Lưu: VT, KT Công. *AL*

14

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH



Hà Minh Hải

Phụ lục 1

Biểu tổng hợp thực hiện quyết toán dự án hoàn thành năm 2020

(Kèm theo Công văn số **1367** /UBND-KT ngày **10/5/2021** của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(6)
A	Tổng cộng	2.159	18.321	16.694	16.528	166
	Ngân sách cấp Thành phố	84	3.943	3.438	3.422	16
	Ngân sách cấp quận huyện	2.075	14.378	13.256	13.106	150
1	Nhóm A	0	0	0	0	0
	Ngân sách cấp Thành phố					
	Ngân sách cấp quận huyện					
2	Nhóm B	50	5.092	4.528	4.501	27
	Ngân sách cấp Thành phố	12	1.932	1.712	1.704	8
	Ngân sách cấp quận huyện	38	3.160	2.816	2.797	19
3	Nhóm C	2.109	13.229	12.166	12.027	139
	Ngân sách cấp Thành phố	72	2.011	1.726	1.718	8
	Ngân sách cấp quận huyện	2.037	11.218	10.440	10.309	131

11/5/2021

Phụ lục 2

Biểu tổng hợp thực hiện quyết toán dự án hoàn thành năm 2020 - Ngân sách cấp Thành phố

(Kèm theo Công văn số 1367/UBND-KT ngày 10/5/2021 của UBND Thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(6)
A	Tổng cộng	84	3944	3437	3422	16
1	Nhóm A	0	0	0	0	0
2	Nhóm B	12	1932	1712	1704	8
3	Nhóm C	72	2011	1726	1718	8
B	Chi tiết theo đơn vị cấp dưới:					
1	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình giao thông thành phố Hà Nội	9	659	443	441	2
	Nhóm B	1	225	137	136	0
	Xây dựng tuyến đường Lê Trọng Tấn đoạn từ Tôn Thất Tùng kéo dài đến sông Lừ, quận Thanh Xuân	1	225	137	136	0
	Nhóm C	8	434	306	305	1
	Cải tạo, chỉnh trang khu vực nút giao đầu cầu phía Bắc cầu Chương Dương	1	17	11	11	0
	Đầu tư xây dựng công trình cầu Mỹ Hoà (cầu Bốt Xuyên) vượt sông Đáy qua địa bàn huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hoà	1	191	101	100	1
	Dự án xây dựng cầu Quảng Tái tại Km 6+585 trên đường tỉnh 428 (đường 75 cũ), huyện Ứng Hoà	1	25	22	22	0
	Đầu tư xây dựng cầu Đầm Mơ thuộc xã Hồng Phong, xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	1	50	38	38	0
	Đường tỉnh 426 (đường tỉnh 78 cũ) đoạn Km 0 đến Km7+900	1	64	59	59	0
	Xây dựng công trình cầu Văn Quang, huyện Quốc Oai	1	7	6	6	0
	Đầu tư xây dựng cầu Ba Thá Km 24+010 đường tỉnh 429 (đường tỉnh 73 cũ)	1	65	57	57	0
	Xây dựng cầu Đào Xuyên (giai đoạn 1), xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm	1	14	11	11	0
2	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình công nghiệp và dân dụng thành phố Hà Nội	4	193	182	179	3
	Nhóm B	1	80	78	75	3
	Xây dựng, cải tạo trường PTCS Nguyễn Đình Chiểu, quận Hai Bà Trưng	1	80	78	75	3
	Nhóm C	3	114	105	105	0
	Xây dựng trụ sở làm việc đội quản lý thị trường số 7 trực thuộc Chi cục quản lý thị trường Hà Nội	1	15	14	14	0
	Xây dựng, cải tạo trường THPT Trần Nhân Tông, quận Hai Bà Trưng	1	51	48	48	0
	Xây dựng cải tạo trường THPT Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm	1	48	43	43	0
3	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình nông nghiệp và PTNT thành phố Hà Nội	5	266	236	236	0
	Nhóm B	1	70	68	68	0

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Xây dựng đường hành lang thượng lưu đề hữu Hồng kết hợp làm đường giao thông để di chuyển đường ra vào cảng Sơn Tây, thị xã Sơn Tây	1	70	68	68	0
	Nhóm C	4	196	168	168	0
	Xử lý sạt lở bờ hữu sông Tô Lịch xã Khánh Hà, huyện Thường Tín	1	25	24	24	0
	Xử lý sạt lở bờ tả sông Cà Lồ thuộc địa bàn thôn Thụy Hương và thôn Hương Gia, xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn	1	12	12	12	0
	Xử lý sạt lở bờ hữu sông Đà khu vực Đan Thê - Tông Bạt, huyện Ba Vì	1	45	43	43	0
	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Sần, huyện Thạch Thất - phần đầu mối	1	114	89	89	0
4	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường thành phố Hà Nội	3	249	244	244	1
	Nhóm B	0	0	0	0	0
	Nhóm B	1	225	222	222	0
	Xây dựng nhà ở cao tầng và các công trình phụ trợ khu di dân Đồng Tàu - giai đoạn 1	1	225	222	222	0
	Nhóm C	2	24	22	22	0
	Xây dựng bãi phế thải xây dựng tại xã Tiến Thắng, huyện Mê Linh (X11)	1	1	0	0	0
	Đầu tư xây dựng trạm quan trắc môi trường tự động liên tục tại Khu liên hợp xử lý chất thải Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn	1	23	22	22	0
5	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình văn hoá xã hội thành phố Hà Nội	12	100	92	92	0
	Nhóm C	12	100	92	92	0
	Xây dựng trụ sở làm việc công an phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	9	8	8	0
	Xây dựng trụ sở làm việc công an phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	8	7	7	0
	Xây dựng trụ sở làm việc công an phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	7	6	6	0
	Xây dựng trụ sở làm việc công an phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	6	6	6	0
	Xây dựng trụ sở làm việc công an phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	7	6	6	0
	Xây dựng trụ sở làm việc công an phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	7	6	6	0
	Xây dựng trụ sở làm việc công an phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	8	7	7	0

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Xây dựng trụ sở làm việc công an phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	8	8	8	0
	Xây dựng trụ sở làm việc đồn công an Tiên Phong, huyện Mê Linh thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	7	7	7	0
	Xây dựng trụ sở làm việc đồn công an khu công nghệ cao Hoà Lạc, huyện Thạch Thất thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	9	9	9	0
	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải y tế bệnh viện Công an thành phố Hà Nội	1	8	8	8	0
	Cải tạo sửa chữa trường Trung cấp nghề cơ khí I Hà Nội	1	15	14	14	0
6	UBND huyện Mỹ Đức	4	93	67	67	0
	Nhóm C	4	93	67	67	0
	Đường Đục Khê đi Tiên Mai, huyện Mỹ Đức (dự án dừng thực hiện)	1	33	13	12	0
	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Đáy, xã Phù Lưu Tế, huyện Mỹ Đức	1	29	25	25	0
	Xử lý cấp bách chống sạt lở đê hồ Quan Sơn qua địa phận thôn Thanh Lợi, xã Hồng Sơn và đê hồ Quan Sơn đoạn từ đập tràn cầu Dậm đến địa phận tỉnh Hoà Bình	1	26	26	26	0
	Xử lý cấp bách chống sạt lở đê bao qua địa bàn thôn Phú Hiền, xã Hợp Thanh, huyện Mỹ Đức	1	4	4	4	0
7	UBND huyện Chương Mỹ	4	78	71	70	1
	Nhóm C	4	78	71	70	1
	Xử lý cấp bách chống sạt mái hạ lưu đê bồi thuộc bờ tả sông Bùi trên địa phận thôn Trí Thủy, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ	1	3	2	2	0
	Xử lý cấp bách 05 đoạn đê bồi thuộc bờ tả sông Bùi, huyện Chương Mỹ	1	29	26	25	0
	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông Bùi đoạn từ cầu Sắt đến trạm bơm Đồng Cò, thuộc khu vực Đồng Vai, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ	1	29	27	27	0
	Xử lý cấp bách và dự toán xử lý cấp bách sự cố bục đê ao Đông trên địa bàn thôn Trung Hoàng, xã Thanh Bình, huyện Chương Mỹ	1	17	16	16	0
8	UBND quận Đống Đa	2	166	150	149	1
	Nhóm B	1	134	121	120	1
	Xây dựng khu nhà ở cao tầng di dân phường Láng Thượng, quận Đống Đa	1	134	121	120	1
	Nhóm C	1	32	29	29	0
	Xây dựng nhà chung cư phục vụ GPMB lô số 9 trục đường Thái Hà - Voi Phục	1	32	29	29	0
9	UBND quận Hai Bà Trưng	1	325	302	301	1
	Nhóm B	1	325	302	301	1
	Mở rộng, nâng cấp đường Thanh Nhân	1	325	302	301	1
	Nhóm C	1	52	51	51	0
	Hạng mục GPMB dự án Cải tạo môi trường hồ cá Bác Hồ ở Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng	1	52	51	51	0
10	UBND huyện Đan Phượng	1	28	23	23	0
	Nhóm C	1	28	23	23	0

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Xây dựng công trình kênh tiêu T0, huyện Đan Phượng	1	28	23	23	0
11	UBND thị xã Sơn Tây	1	206	199	199	0
	Nhóm B	1	206	199	199	0
	Trường THPT Sơn Tây, thị xã Sơn Tây	1	206	199	199	0
12	UBND huyện Hoài Đức	2	100	84	83	1
	Nhóm C	2	100	84	83	1
	Cải tạo chỉnh trang đường tỉnh lộ 422 đoạn từ đê tả đáy Cát Quế đi cầu Yên Sở, huyện Hoài Đức	1	17	17	16	0
	Đường tỉnh 422B (Sơn Đồng - Vân Canh), lý trình từ Km 0+828 đến Km3+960	1	83	67	66	1
13	UBND huyện Quốc Oai	2	37	36	36	0
	Nhóm C	2	37	36	36	0
	Xử lý cấp bách sự cố sập cống qua đê Đồng Ao, xã Đông Yên, huyện Quốc Oai	1	3	2	2	0
	Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, dạy nghề huyện Quốc Oai định hướng thành Trung tâm giáo dục nghề nghiệp của huyện	1	34	33	33	0
14	UBND huyện Gia Lâm	2	265	230	228	2
	Nhóm B	1	232	198	196	2
	Xây dựng HTKT khu tái định cư Trâu Quỳ phục vụ GPMB của các dự án trên địa bàn huyện Gia Lâm	1	232	198	196	2
	Nhóm C	1	33	32	32	0
	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ bãi sông Đuống, thôn Đồng Xuyên, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm	1	33	32	32	0
15	UBND huyện Thanh Trì	2	120	118	117	1
	Nhóm C	2	120	118	117	1
	Xây dựng trường THPT Nguyễn Quốc Trinh, huyện Thanh Trì	1	119	117	116	1
	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu nuôi trồng thủy sản tập trung tại xã Đại Áng, huyện Thanh Trì	1	1	1	1	0
16	UBND huyện Sóc Sơn	1	160	142	142	1
	Nhóm B	1	160	142	142	1
	Xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường Hồng Kỳ- Bắc Sơn và tuyến nhánh Chợ Châu - Đô Tân	1	160	142	142	1
17	UBND huyện Đông Anh	1	19	18	18	0
	Nhóm C	1	19	18	18	0
	Xây dựng nhà trẻ, mẫu giáo tại ô đất NT-01 khu nhà ở phục vụ công nhân xã Kim Chung, huyện Đông Anh	1	19	18	18	0
18	UBND huyện Phúc Thọ	1	23	22	22	0
	Nhóm C	1	23	22	22	0
	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đê bồi ngăn lũ kết hợp làm đường giao thông trên địa bàn xã Vân Phúc - Cẩm Đình, huyện Phúc Thọ	1	23	22	22	0
19	UBND huyện Phú Xuyên	1	12	11	11	0
	Nhóm C	1	12	11	11	0
	Xử lý cấp bách chống sạt lở đê tả sông Lương đoạn từ trạm bơm Đồng Lạc đến trạm bơm Mai Trang, huyện Phú Xuyên	1	12	11	11	0
20	Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội	3	424	376	375	1
	Nhóm B	1	225	199	198	1

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Xây dựng mạng lưới cấp nước cho các xã Phù Lỗ, Phú Minh, Mai Đình, Sóc Sơn	1	225	199	198	1
	Nhóm C	2	199	177	177	1
	Cải tạo và phát triển mạng lưới cấp nước huyện Thanh Trì (khu vực quy hoạch phát triển phía Đông, Quốc lộ 1A cũ)	1	146	125	125	0
	Hạng mục công việc sử dụng vốn ngân sách thuộc dự án Nâng công suất Nhà máy nước Gia Lâm lên 60,000m ³ /ngđ	1	53	53	52	1
21	Trường PTCS Nguyễn Đình Chiểu	1	1	1	1	0
	Nhóm C	1	1	1	1	0
	Xây dựng sân bóng đá tiêu chuẩn cho trẻ khuyết tật	1	1	1	1	0
22	BQLDA Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn thành phố Hà Nội	2	3	3	3	0
	Nhóm C	2	3	3	3	0
	Đầu tư xây mới, cải tạo sửa chữa nhà vệ sinh và nước sạch cho trường học xã Cao Viên thuộc "Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn thành phố Hà Nội"	1	0	0	0	0
	Đầu tư xây mới, cải tạo sửa chữa nhà vệ sinh và nước sạch cho trường học xã Vân Nội thuộc "Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn thành phố Hà Nội"	1	3	2	2	0
23	Ban phục vụ lễ tang Hà Nội	1	23	23	23	0
	Nhóm B	1	23	23	23	0
	Hạng mục Nhà để tro 3 tầng và lắp đặt hệ thống PCCC cho nhà tro 3 tầng thuộc dự án Cải tạo, nâng cấp để chuyển đổi nhiệm vụ nghĩa trang Văn Điển	1	23	23	23	0
24	Sở Văn hoá và thể thao Hà Nội	1	59	46	46	0
	Nhóm C	1	59	46	46	0
	Nâng cấp, mở rộng di tích nhà Hồ Chủ tịch ở và làm việc tháng 12/1946	1	59	46	46	0
25	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	14	159	155	155	0
	Nhóm C	14	159	155	155	0
	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt trượt bờ sông tương ứng K45+00-K45+650 đê tả Hồng xã Tráng Việt, huyện mê Linh	1	35	34	34	0
	Xử lý cấp bách chống sạt lở đê tả sông Nhuệ qua khu vực thôn Gia Khánh, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín (tương ứng từ K37+420 đến K37+665)	1	10	10	10	0
	Xử lý cấp bách chống sạt lở đê bờ tả sông Vân Đình đoạn từ K1+20 đến K1+390 thuộc địa phận xã Hồng Minh, huyện Phú Xuyên	1	13	13	13	0
	Xử lý cấp bách công trình chống sạt lở kè Cổ Đô từ K6+240 (Mỏ hàn số 6) đến K6+500 (Mỏ hàn số 7) đê Hữu Hồng, huyện Ba Vì, Hà Nội	1	7	7	7	0
	Xử lý cấp bách chống sạt trượt bờ hữu kênh xả trạm bơm Áp Bắc, thuộc địa phận xã Võng La, huyện Đông Anh	1	6	6	6	0

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ Thuận Mỹ tương ứng từ K1+450 đến K2+250 đê Hữu Đà, huyện Ba Vì	1	5	5	4	0
	Xử lý cấp bách công trình sạt lở bờ tả sông Bùi từ K0+900 đến K1+100 xã Thanh Bình; bờ tả sông Bùi đoạn qua thôn Trí Thủy, xã Thủy Xuân Tiên; khu vực Đới 1, xã Đồng Phú; khu vực thôn Lưu Xá, xã Hoà Chính, huyện Chương Mỹ	1	30	30	30	0
	Xử lý cấp bách công trình chống sạt lở bờ hữu sông Hồng đoạn từ K26+000 đến K26+600 thuộc khu vực hạ lưu kè Cam Thượng trên địa bàn xã Cam Thượng, huyện Ba Vì và xã Đường Lâm thị xã Sơn Tây	1	9	8	8	0
	Xử lý cấp bách sự cố xói, lở chân kè Cổ Đô đoạn từ K7+110 (mở hàn số 9) đến K7+420 (sau mở hàn số 10 là 50m) đê hữu Hồng thuộc địa bàn xã Cổ Đô, huyện Ba Vì	1	6	6	6	0
	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở bờ hữu sông Cầu, xóm 11, thôn Ngô Đạo, xã Tân Hưng, Sóc Sơn	1	9	9	9	0
	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ tả sông Cà Lồ (đoạn từ cửa ra kênh xả cống Lương Phúc đến khu vực cửa đình xóm Mom) thôn Lương Phúc, xã Việt Long, huyện Sóc Sơn	1	8	8	8	0
	Xử lý cấp bách chống sự cố sạt lở đê Đồng Trối xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ	1	5	5	5	0
	Xử lý cấp bách sự cố lở bờ hữu sông Cầu, xóm 11, thôn Ngô Đạo, xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn	1	9	9	9	0
	Xử lý cấp bách chống sạt trượt mái đê thượng lưu đê tả Đáy, phường Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	1	7	7	7	0
26	Ban quản lý đường sắt đô thị Hà Nội	1	3	2	2	0
	Nhóm C	1	3	2	2	0
	Cải tạo trụ sở làm việc mới của Ban quản lý đường sắt đô thị Hà Nội tại toà nhà CC2, khu đô thị Đồng Tàu, quận Hoàng Mai	1	3	2	2	0
27	Viện KHCN và Kinh tế xây dựng Hà Nội	1	25	13	13	0
	Nhóm C	1	25	13	13	0
	Tăng cường năng lực của Viện KHCN và Kinh tế xây dựng Hà Nội nhằm nâng cao năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng cho Hà Nội và vùng Thủ đô	1	25	13	13	0
28	Trung tâm phát triển quỹ đất Hà Nội	1	97	97	96	1
	Nhóm C	1	97	97	96	1
	GPMB và san nền sơ bộ khu nhà ở công nhân khu công nghiệp Bắc Thăng Long	1	97	97	96	1

Phụ lục 3

**Biểu tổng hợp thực hiện quyết toán dự án hoàn thành năm 2020
Ngân sách quận, huyện, thị xã**

(Kèm theo Công văn số 1367/UBND-KT ngày 10/5/2021 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị phê duyệt quyết toán	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(6)
A	Tổng cộng	2.075	14.378	13.256	13.106	150
	Nhóm A					
	Nhóm B	38	3.160	2.816	2.797	19
	Nhóm C	2.037	11.218	10.440	10.309	131
B	Chi tiết theo đơn vị cấp dưới:					
1	UBND quận Ba Đình	21	374	354	352	2
	Nhóm B	2	154	147	146	1
	Nhóm C	19	220	207	205	2
2	UBND quận Cầu Giấy	56	461	449	446	3
	Nhóm B	2	294	290	289	1
	Nhóm C	54	167	159	157	2
3	UBND quận Đống Đa	24	715	588	587	0
	Nhóm B	6	433	353	353	0
	Nhóm C	18	282	235	235	0
4	UBND quận Hai Bà Trưng	78	509	460	457	2
	Nhóm B	2	121	114	113	1
	Nhóm C	76	388	346	344	2
5	UBND quận Hà Đông	60	539	495	487	8
	Nhóm B	2	245	217	214	3
	Nhóm C	58	294	278	273	5
6	UBND quận Hoàn Kiếm	6	226	211	210	1
	Nhóm B	2	171	158	157	0
	Nhóm C	4	55	53	53	0
7	UBND quận Hoàng Mai	18	316	282	281	1
	Nhóm B	3	163	154	154	0
	Nhóm C	15	153	128	128	0
8	UBND quận Long Biên	24	651	565	536	28
	Nhóm B	4	327	280	277	4
	Nhóm C	20	324	284	260	24
9	UBND quận Tây Hồ	21	267	257	253	4
	Nhóm B	0	0	0	0	0
	Nhóm C	21	267	257	253	4
10	UBND quận Thanh Xuân	79	476	434	428	6
	Nhóm B	2	202	173	171	2
	Nhóm C	77	274	261	257	4
11	UBND quận Bắc Từ Liêm	46	457	418	415	3
	Nhóm B	2	205	184	183	1
	Nhóm C	44	252	234	232	2
12	UBND quận Nam Từ Liêm	22	594	533	528	6
	Nhóm B	5	389	345	341	3

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị phê duyệt quyết toán	Chênh lệch
	Nhóm C	17	205	189	186	3
13	UBND huyện Ba Vì	49	503	478	476	3
	Nhóm B	0	0	0	0	0
	Nhóm C	49	503	478	476	3
14	UBND huyện Chương Mỹ	122	858	768	762	6
	Nhóm B	0	0	0	0	0
	Nhóm C	122	858	768	762	6
15	UBND huyện Đan Phượng	116	484	459	451	8
	Nhóm B	0	0	0	0	0
	Nhóm C	116	484	459	451	8
16	UBND huyện Đông Anh	235	938	885	885	0
	Nhóm B	0	0	0	0	0
	Nhóm C	235	938	885	885	0
17	UBND huyện Gia Lâm	58	751	703	686	17
	Nhóm B	3	177	170	166	3
	Nhóm C	55	574	533	520	13
18	UBND huyện Hoài Đức	116	618	577	572	5
	Nhóm B	0	0	0	0	0
	Nhóm C	116	618	577	572	5
19	UBND huyện Mê Linh	66	245	238	236	2
	Nhóm B	0	0	0	0	0
	Nhóm C	66	245	238	236	2
20	UBND huyện Mỹ Đức	25	359	345	344	1
	Nhóm B	0	0	0	0	0
	Nhóm C	25	359	345	344	1
21	UBND huyện Phú Xuyên	228	529	506	499	6
	Nhóm B	0	0	0	0	0
	Nhóm C	228	529	506	499	6
22	UBND huyện Phúc Thọ	13	82	73	72	1
	Nhóm B	0	0	0	0	0
	Nhóm C	13	82	73	72	1
23	UBND huyện Quốc Oai	62	691	664	653	11
	Nhóm B	0	0	0	0	0
	Nhóm C	62	691	664	653	11
24	UBND huyện Sóc Sơn	47	535	504	501	3
	Nhóm B	0	0	0	0	0
	Nhóm C	47	535	504	501	3
25	UBND huyện Thạch Thất	91	304	287	286	1
	Nhóm B	0	0	0	0	0
	Nhóm C	91	304	287	286	1
26	UBND huyện Thanh Oai	194	455	423	410	13
	Nhóm B	0	0	0	0	0
	Nhóm C	194	455	423	410	13
27	UBND huyện Thanh Trì	25	496	430	427	3
	Nhóm B	3	279	232	232	0
	Nhóm C	22	217	198	196	2
28	UBND huyện Thường Tín	19	151	143	143	1

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị phê duyệt quyết toán	Chênh lệch
	Nhóm B	0	0	0	0	0
	Nhóm C	19	151	143	143	1
29	UBND huyện Ứng Hòa	55	338	323	320	4
	Nhóm B	0	0	0	0	0
	Nhóm C	55	338	323	320	4
30	UBND Thị xã Sơn Tây	99	456	405	402	2
	Nhóm B	0	0	0	0	0
	Nhóm C	99	456	405	402	2

Phụ lục 4: Biểu tổng hợp các dự án cấp Thành phố chậm lập hồ sơ quyết toán tính đến 31/12/2020

(Kèm theo Công văn số 1367 /UBND-KT ngày 10 tháng 5 năm 2021 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Loại dự án	Nhóm DA	Tổng số dự án chậm nộp báo cáo quyết toán	Dự án chậm nộp báo cáo quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm nộp báo cáo quyết toán từ 24 tháng trở lên		
				Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán
(1)	(2)	(3)		(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
A	Tổng số		40	25	11.344	8.867	15	8.565	6.918
	Nhóm A	A	4	2	8.034	6.279	2	4.735	4.331
	Nhóm B	B	15	8	2.414	1.965	7	3.527	2.362
	Nhóm C	C	21	15	896	624	6	303	225
B	Chi tiết theo đơn vị cấp dưới								
1	BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TP HÀ NỘI		9	5	7.881	6.088	4	3.617	3.083
	Dự án xây dựng cầu Vĩnh Tuy và tuyến đường hai đầu cầu (giai đoạn 1)	A	1				1	3.152	2.817
	Dự án Phát triển giao thông đô thị HN	A	1	1	7.500	5.812			
	XD cầu vượt tại nút giao đường Nguyễn Chí Thanh - Kim Mã	B	1				1	360	210
	Đường nối từ ĐLTL kéo dài đến QL 21, huyện Thạch Thất	C	1	1	55	26			
	ĐTXD cầu Zét Chương Mỹ	C	1				1	65	37
	ĐTXD cầu Yên trinh huyện Chương Mỹ	C	1				1	40	19
	Cải tạo nâng cấp trung tâm điều khiển đèn tín hiệu giao thông và thiết bị ngoại vi (giai đoạn 1)	C	1	1	232	188			
	ĐTXD cầu Bàu tại Km 13+550 trên đường tỉnh 429 (73 cũ)	C	1	1	40	20			
	ĐTXD công trình cầu Hoà Viên, lý trình km41+177 ĐT 419	C	1	1	54	43			
2	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VĂN HÓA - XÃ HỘI THÀNH PHỐ HÀ NỘI		7	6	1.490	1.268	1	332	291
	Dự án nâng cấp bệnh viện đa khoa Sóc Sơn	B	1	1	346	301			
	Dự án Đầu tư nâng cấp bệnh viện phụ sản Hà Nội GD 2	B	1	1	325	250			
	Dự án Cải tạo bệnh viện đa khoa Xanh pôn và xây dựng nhà điều trị nội khoa	B	1				1	332	291
	Dự án trang thiết bị trung tâm kỹ thuật cao Xanh Pôn	B	1	1	55	34			
	Đầu tư nâng cấp bệnh viện Thanh Nhân giai đoạn II	B	1	1	666	613			
	Dự án trường cao đẳng nghề Công nghệ cao	B	1	1	59	44			
	Dự án Nâng cấp bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức TP Hà Nội	C	1	1	40	26			
3	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TP HÀ NỘI		1	1	396	273			
	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T1-2 và đoạn cuối kênh tiêu T1, huyện Đan Phượng	B	1	1	396	273			
4	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG TP HÀ NỘI		3	3	583	511			
	Xây dựng hệ thống cấp nước cho khu liên hiệp xử lý chất thải Nam Sơn và vùng ảnh hưởng môi trường của 03 xã Nam Sơn, Bắc Sơn, Hồng Kỳ	C	1	1	50	45			
	Dự án cấp nước Gia Lâm	A	1	1	534	467			
	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Sơn giai đoạn 1 (83,3 ha)	C	1	1					
5	UBND QUẬN LONG BIÊN		6				6	4.117	3.074
	Xây dựng tuyến đường nối từ đường 5 kéo dài đến cầu Đuống	B	1				1	497	228
	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Nguyễn Văn Cừ tới đê Tả ngạn sông Hồng	B	1				1	986	681
	Xây dựng đường trên tuyến đê Tả Hồng, Hữu Đuống nối từ cầu Chương Dương đến đường 5 kéo dài	B	1				1	360	217
	Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A đoạn Cầu Chui - cầu Đuống (phố Ngô Gia Tự)	A	1				1	1.583	1.515
	Xây dựng tuyến đường từ Ngọc Thụy đi khu đô thị mới Thạch Bàn (đoạn từ đường Thạch Bàn đến khu đô thị mới Thạch Bàn), quận Long Biên	B	1				1	619	369

STT	Loại dự án	Nhóm DA	Tổng số dự án chậm nộp báo cáo quyết toán	Dự án chậm nộp báo cáo quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm nộp báo cáo quyết toán từ 24 tháng trở lên		
				Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán
(1)	(2)	(3)		(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	Cải tạo hệ thống thoát nước trên địa bàn các phường Ngọc Lâm, Gia Thụy, Bồ Đề, quận Long Biên	C	1				1	73	64
6	UBND HUYỆN GIA LÂM		1				1	373	366
	Cải tạo, nâng cấp đường dốc Hội - Đại học Nông nghiệp 1	B	1				1	373	366
7	UBND HUYỆN THẠCH THẮT		1	1	110	87			
	Cải tạo, nâng cấp ĐT 419 đoạn từ Km0+600 đến Km 4+842	B	1	1	110	87			
8	UBND HUYỆN THANH TRÌ		1	1	18	10			
	XLCB sự cố sập cống Mỏ Tồn xã Yên Mỹ	C	1	1	18	10			
9	UBND HUYỆN PHÚC THỌ		4	2	82	73	2	78	59
	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm và kiên cố hoá kênh mương Trạch Mỹ Lộc	C	1	1	58	51			
	Cải tạo nâng cấp đường tỉnh lộ 419 (ĐT 80 cũ) đoạn Km+-Km0+600, huyện Phúc Thọ	C	1	1	24	21			
	Xây dựng giai đoạn 2 thuộc dự án chợ trung tâm huyện	C	1				1	54	36
	Sân vận động huyện Phúc Thọ	C	1				1	24	24
10	UBND HUYỆN QUỐC OAI		1	1	43	36			
	Nâng cấp, cải tạo bờ hữu sông Tích, huyện Quốc Oai	C	1	1	43	36			
11	UBND HUYỆN MÊ LINH		2	2	506	396			
	Xây dựng bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh	B	1	1	457	363			
	Trường tiểu học Tiên Phong A	C	1	1	49	33			
12	UBND HUYỆN HOÀI ĐỨC		2	2	185	76			
	Trường THPT Hoài Đức C	C	1	1	108	51			
	Xây dựng đường Lai Yên - An Khánh (đoạn Cầu Khum - Cầu Địa Sáo)	C	1	1	77	25			
13	UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN		1				1	48	45
	Xây dựng cải tạo trường THPT Phú Xuyên B	C	1				1	48	45
14	THÀNH ĐOÀN HÀ NỘI		1	1	50	48			
	Cải tạo, nâng cấp Cung Thiếu Nhi Hà Nội	C	1	1	50	48			

Phụ lục 5: Biểu tổng hợp các dự án cấp huyện chậm nộp hồ sơ quyết toán tính đến 31/12/2020

(Kèm theo Công văn số **1367** /UBND-KT ngày **10** tháng **5** năm 2021 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Loại dự án	Tổng số dự án chậm lập hồ sơ quyết toán	Dự án chậm lập hồ sơ quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm lập hồ sơ quyết toán trên 24 tháng		
			Số dự án	Tổng mức đầu tư	Số vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Số vốn đã thanh toán
1	2		7	8	9	10	11	12
A	Tổng cộng	125	106	1.671	1.467	19	330	210
	Nhóm A	0						
	Nhóm B	4	4	380	350	0	0	0
	Nhóm C	121	102	1.291	1.116	19	330	210
B	Chi tiết theo đơn vị cấp dưới:							
1	UBND quận Hà Đông	6	6	194	173	0	0	0
	Nhóm B	1	1	171	154	0	0	0
	Nhóm C	5	5	23	19	0	0	0
2	UBND quận Hoàng Mai	13	11	235	201	2	41	37
	Nhóm B	2	2	148	143	0	0	0
	Nhóm C	11	9	87	58	2	41	37
3	UBND quận Nam Từ Liêm	1	1	61	53	0	0	0
	Nhóm B	1	1	61	53	0	0	0
	Nhóm C	0	0	0	0	0	0	0
4	UBND huyện Ba Vì	1	1	12	12	0	0	0
	Nhóm B	0	0	0	0	0	0	0
	Nhóm C	1	1	12	12	0	0	0
5	UBND huyện Chương Mỹ	8	8	189	173	0	0	0
	Nhóm B	0	0	0	0	0	0	0
	Nhóm C	8	8	189	173	0	0	0
6	UBND huyện Mê Linh	3	1	30	28	2	10	6
	Nhóm B	0	0	0	0	0	0	0
	Nhóm C	3	1	30	28	2	10	6
7	UBND huyện Phúc Thọ	41	31	327	296	10	149	48
	Nhóm B	0	0	0	0	0	0	0
	Nhóm C	41	31	327	296	10	149	48
8	UBND huyện Quốc Oai	24	24	350	291	0	0	0
	Nhóm B	0	0	0	0	0	0	0
	Nhóm C	24	24	350	291	0	0	0
9	UBND huyện Thạch Thất	23	19	262	232	4	68	63
	Nhóm B	0	0	0	0	0	0	0
	Nhóm C	23	19	262	232	4	68	63
10	UBND huyện Thường Tín	4	4	11	9	0	0	0
	Nhóm B	0	0	0	0	0	0	0
	Nhóm C	4	4	11	9	0	0	0

PHÒNG
KH. QH